

Số: **01** /QĐ-SYT

Đồng Nai, ngày **02** tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND, ngày 16/06/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-STC ngày 12/12/2023 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1516/QĐ-SYT ngày 27/12/2023 của Sở Y tế về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (Phụ lục đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website SYT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Trung

PHỤ LỤC
(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-SYT ngày 02 /01/2024 của Giám đốc Sở Y tế)

Đơn vị:
Mã số:
Mã KBNN nơi giao dịch:

Văn phòng Sở Y tế
1012512
1761

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm
1075022
1761

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Tiết kiệm chưa giao	Dự toán chưa giao	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP					Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP	
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								-				-				
1	Số thu phí, lệ phí	7.600	-	-	-	-		-	3.200	-	-		600	-	-		
1.1	Lệ phí	-	-	-	-	-			-				-				
1.2	Phí	7.600	-	-	-	-		-	3.200	-	-		600	-	-		
	- Thu phí Giám định Y khoa	3.800	-	-	-	-							-				
	- Thu phí An toàn vệ sinh thực phẩm	600	-	-	-	-						600					
	- Thu phí thăng hạng	-	-	-	-	-			-								
	- Thu phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, y tế	3.200	-	-	-	-		-	3.200	-	-		-	-	-		
	+ Y	1.200	-	-	-	-			1.200				-				
	+ Dược	2.000	-	-	-	-			2.000				-				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	3.610	-	-	-	-		-	-	-	-		-	-	-		
2.1	Chi sự nghiệp y tế	3.610	-	-	-	-		-	-	-	-		-	-	-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.610	-	-	-	-			-				-				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-			-				-				
2.2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-		-	-	-	-		-	-	-		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-			-				-				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-			-				-				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	3.990	-	-	-	-		-	3.200	-	-		600	-	-		
3.1	Lệ phí	-	-	-	-	-			-				-				
3.2	Phí	3.990	-	-	-	-		-	3.200	-	-		600	-	-		
	- Thu phí Giám định Y khoa	190	-	-	-	-			-				-				
	- Thu phí An toàn vệ sinh thực phẩm	600	-	-	-	-			-			600					
	- Thu phí thăng hạng	-	-	-	-	-			-								
	- Thu phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm, y tế	3.200	-	-	-	-		-	3.200	-	-		-	-	-		
	+ Y	1.200	-	-	-	-			1.200				-				
	+ Dược	2.000	-	-	-	-			2.000				-				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	911.189,00	28.267,10	843.314,90	39.607,00	#VALUE!	1.825,90	59.263,10	27.350,00	1.784,90	25.565,10	-	4.280,00	287,70	3.992,30	-	
340 - 341	Chi quản lý hành chính	19.520,00	746,00	18.774,00	-	-	-	-	13.950,00	472,00	13.478,00	-	3.057,00	169,00	2.888,00		
340 - 341	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	13.908,00	616,00	13.292,00	-	-	-	-	8.638,00	372,00	8.266,00	-	2.757,00	139,00	2.618,00		
340 - 341	+ Chi con người	7.744,00	0,00	7.744,00	-				4.918,00		4.918,00		1.363,00		1.363,00		



LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Tiết kiệm chưa giao	Dự toán chưa giao	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP					Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
340 - 341	+ Chi hoạt động	5.964,00	596,00	5.368,00	-				3.520,00	352,00	3.168,00		1.394,00	139,00	1.255,00	
340 - 341	+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc và thu phí	-	0,00	0,00	-				-	-	-		-	-	-	
340 - 341	+ Kinh phí trích thu hồi sau thanh tra	200,00	20,00	180,00	-				200,00	20,00	180,00		-		-	
340 - 341	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.612,00	130,00	5.482,00	-	-	-	-	5.312,00	100,00	5.212,00		300,00	30,00	270,00	
340 - 341	+ KP mua xe ô tô chuyên dùng	923,00	-	923,00	-				923,00		923,00		-		-	
340 - 341	+ KP sửa chữa trụ sở	3.361,00	-	3.361,00	-				3.361,00	-	3.361,00		-	-		
340 - 341	+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc thu phí	1.000,00	100,00	900,00	-				700,00	70,00	630,00		300,00	30,00	270,00	
340 - 341	+ Kinh phí mua trang phục thanh tra	34,00	3,00	31,00	-				34,00	3,00	31,00		-		-	
340 - 341	+ Kinh phí xử phạt hành chính	150,00	15,00	135,00	-				150,00	15,00	135,00		-		-	
340 - 341	+ Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024	122,00	12,00	110,00	-				122,00	12,00	110,00		-	-	-	
340 - 341	+ Kinh phí hỗ trợ luân chuyển, điều động	22,00	-	22,00	-				22,00		22,00		-	-	-	
340 - 341	+ Kinh phí lắp đặt máy bơm chữa cháy động cơ điện, lắp đặt HT báo cháy tự động	-	0,00	0,00	-				-				-	-	-	
340 - 341	+ KP mua sắm trang thiết bị văn phòng	-	0,00	0,00	-				-				-	-	-	
070	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	2.200,00	220,00	1.980,00	-	-	-	-	2.200,00	220,00	1.980,00		-	-	-	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.200,00	220,00	1.980,00	-	-	-	-	2.200,00	220,00	1.980,00		-	-	-	
070 - 085	- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y	2.200,00	220,00	1.980,00	-				2.200,00	220,00	1.980,00		-		-	
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	889.469,00	27.301,10	822.560,90	39.607,00	#VALUE!	1.825,90	59.263,10	11.200,00	1.092,90	10.107,10	-	1.223,00	118,70	1.104,30	-
	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	480.663,00	-	441.056,00	39.607,00	#VALUE!	-	23.885,00	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	Y tế dự phòng	117.564,00	-	111.361,00	6.203,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	111.361,00	-	111.361,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	6.203,00	-	-	6.203,00	0,00			-				-			
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	354.025,00	-	321.267,00	32.758,00	#VALUE!	-	19.000,00	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Bệnh viện	129.167,00	-	125.043,00	4.124,00	#VALUE!	-	19.000,00	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa giao tự chủ	15.000,00	-	15.000,00	-	#VALUE!		19.000,00								
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	110.043,00	-	110.043,00	-	0,00			-				-			
130 - 132	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	4.124,00	-	-	4.124,00	0,00			-				-			

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Tiết kiệm chưa giao	Dự toán chưa giao	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP					Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
	- Trạm Y tế	224.858,00	-	196.224,00	28.634,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	196.224,00	-	196.224,00	-	0,00			-				-			
130 - 132	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	28.634,00	-	-	28.634,00	0,00			-				-			
130 - 139	Y tế khác	9.074,00	-	8.428,00	646,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 139	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	8.428,00	-	8.428,00	0,00	0,00			-				-			
130 - 139	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	646,00	-	-	646,00	0,00			-				-			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	408.806,00	27.301,10	381.504,90	-	-	1.825,90	35.378,10	11.200,00	1.092,90	10.107,10	-	1.223,00	118,70	1.104,30	-
130 - 131	Các chương trình phòng bệnh khác	2.776,00	278,00	2.498,00	-	-	167,00	1.499,00	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	+ Phòng chống bệnh nghề nghiệp	-	-	-	-	-	90,00	807,00	-				-			
130 - 131	+ Phòng chống tai nạn thương tích	-	-	-	-	-	77,00	692,00	-				-			
130 - 131	+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân lao	100,00	10,00	90,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân phong	336,00	34,00	302,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	Tạp chí sức khỏe Đồng Nai	0,00	0,00	0,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	Thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình, báo Đồng Nai	0,00	0,00	0,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	KP đối ứng dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin	0,00	0,00	0,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	Phòng chống dịch bệnh tay chân miệng	0,00	0,00	0,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	+ Phòng chống dịch bệnh khác	2.340,00	234,00	2.106,00	-	0,00			-	-	-		-			
130 - 131	KP đối ứng quỹ toàn cầu	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00			-				-			
130 - 131	Chương trình Y tế - Dân số	44.841,00	4.484,10	40.356,90	-		76,90	688,10	239,00	23,90	215,10		1.187,00	118,70	1.068,30	
130 - 131	Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	22.667,00	2.266,70	20.400,30	-	0,00		-	-	-	-		-	-	-	
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống phong	81,00	8,10	72,90	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống lao	1.464,00	146,40	1.317,60	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt rét	199,00	19,90	179,10	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết	15.134,00	1.513,40	13.620,60	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	3.277,00	327,70	2.949,30	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống ung thư	701,00	70,10	630,90	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	381,00	38,10	342,90	-	0,00			-				-			

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Tiết kiệm chưa giao	Dự toán chưa giao	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP					Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I- ốt	1.131,00	113,10	1.017,90	-	0,00		-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	+ Phòng, chống bệnh đái tháo đường	847,00	84,70	762,30	-	0,00			-				-			
130 - 131	+ Phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	284,00	28,40	255,60	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh Phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản	83,00	8,30	74,70	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động Y tế trường học	216,00	21,60	194,40	-	0,00			-				-			
130 - 131	Dự án 2 Tiêm chủng mở rộng	1.954,00	195,40	1.758,60	-	0,00			-				-			
130 - 131	Dự án 3 Dân số và phát triển	14.178,00	1.417,80	12.760,20	-	0,00		-	139,00	13,90	125,10		-	-		-
130 - 131	- Hoạt động Dân số - kế hoạch hóa gia đình	5.749,00	574,90	5.174,10	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa trên cộng đồng	139,00	13,90	125,10	-	0,00			139,00	13,90	125,10		-			
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	6.480,00	648,00	5.832,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	390,00	39,00	351,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	1.420,00	142,00	1.278,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	Dự án 4 An toàn thực phẩm	1.227,00	122,70	1.104,30	-	0,00			-				806,00	80,60	725,40	
130 - 131	Dự án 5 Phòng , chống HIV/AIDS	1.836,00	183,60	1.652,40	-	0,00			-				-			
130 - 131	Dự án 6 Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học	0,00	0,00	0,00	-	0,00			-				-			
130 - 131	Dự án 7 Quân dân y kết hợp	100,00	10,00	90,00	-	0,00			100,00	10,00	90,00		-			
130 - 131	Dự án 8 Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế	2.879,00	287,90	2.591,10	-	0,00			-	-	-		381,00	38,10	342,90	
130-132	Kinh phí đặt hàng khám chữa bệnh	22.235,00	2.027,00	20.208,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 132	+ KP thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ KB; CB_Bệnh nhân phong	1.966,00	-	1.966,00	-	0,00			-				-			
130 - 132	+ KP hoạt động quản lý Khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	1.069,00	107,00	962,00	-	0,00			-				-			
130 - 132	+ KP khám chữa bệnh, mua thuốc cho khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	19.200,00	1.920,00	17.280,00	-	0,00			-				-			
130 - 139	Kinh phí bồi dưỡng Cộng tác viên dân số	14.721,00	-	14.721,00	-	0,00			-				-			
130 - 139	Trợ cấp y tế thôn bản	4.074,00	-	4.074,00	-	0,00		-	-				-			
130 - 139	Trợ cấp y tế khu phố	1.788,00	-	1.788,00	-	0,00			-				-			

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Tiết kiệm chưa giao	Dự toán chưa giao	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP					Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ nguồn nhân lực y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025 (theo NQ 34/2022/NQ-HĐND)	288.498,00	18.376,00	270.122,00	-	0,00			1.103,00	81,00	1.022,00		36,00	-	36,00	
130 - 139	Trợ cấp đặc thù (methadone)	792,00	-	792,00	-	0,00			-	-	-		-			
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho đối tượng nhiễm HIV/AIDS	1.500,00	150,00	1.350,00	-	0,00			1.500,00	150,00	1.350,00		-			
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND	10.000,00	1.000,00	9.000,00	-	0,00			1.558,00	158,00	1.400,00		-			
130-139	Kinh phí thực hiện giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở cấp nước tập trung - Đề án cấp nước sạch; Kinh phí Qui chuẩn địa phương về chất lượng nước sạch	-	-	-	-	0,00										
130-139	Kinh phí Giám sát và xây dựng quy chuẩn kỹ thuật nước sạch	-	-	-	-	0,00	852,00	7.671,00								
130 - 139	Các hoạt động khác	9.857,00	986,00	8.871,00	-	-	-	-	6.800,00	680,00	6.120,00	-	-	-	-	-
130 - 139	+ Hoạt động ngành	300,00	30,00	270,00	-	0,00			300,00	30,00	270,00		-			
130 - 139	+ Hoạt động kiểm nghiệm	1.420,00	142,00	1.278,00	-	0,00			-				-			
130 - 139	+ Tiền mua mẫu kiểm nghiệm	180,00	18,00	162,00	-	0,00			-				-			
130 - 139	+ Khám tuyển nghĩa vụ quân sự	365,00	37,00	328,00	-	0,00			-				-			
131 - 139	+ Kinh phí Khám sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy quản lý	6.500,00	650,00	5.850,00	-	0,00			6.500,00	650,00	5.850,00		-			
130 - 139	+ Đề án Methadone (mua test xét nghiệm, mua thuốc Methadone, hội nghị, tập huấn...)	1.092,00	109,00	983,00	-	0,00			-				-			
130 - 139	Kinh phí sửa chữa các đơn vị	7.724,00	-	7.724,00	-	-	-	18.946,00	-	-	-	-	-	-	-	-
131 - 139	+ KP sửa chữa một số hạng mục của TTYT huyện	-	-	-	-	0,00		6.167,00	-				-			
131 - 139	+ KP sửa chữa cơ sở 2 TTYT huyện Thống Nhất	-	-	-	-	0,00		4.600,00	-				-			
131 - 139	+ KP cải tạo thay mới hệ thống thang máy và hệ thống điện của BV Y Dược cổ truyền	-	-	-	-	0,00		8.179,00	-				-			
131 - 139	+ KP sửa chữa một số hạng mục xuống cấp của BVĐK Đồng Nai	7.724,00	-	7.724,00	-	0,00			-				-			
	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	730,00	6.574,00	-	-	-	-	-	-	-	-
0473 130-139	+ CTMTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025	-	-	-	-	-	170,00	1.530,00								

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	Tiết kiệm chưa giao	Dự toán chưa giao	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP					Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP
0517 130-139	+ CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I: Từ năm 2023 đến năm 2025_DẠ 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao thể lực, tâm vóc người DTTS	-	-	-	-	-	560,00	5.044,00								

Đơn vị: **Chi cục Dân số KHHGD**
Mã số: **1062436**
Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

Bệnh viện đa khoa Đồng Nai
1073798
1761

Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
1012513
1761

Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
1073743
1761

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NB-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương			Dự toán đơn vị sử dụng	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương		Dự toán đơn vị sử dụng	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.276,00	381,30	4.894,70	-	68.627,00	6.090,00	62.537,00	-	34.394,00	3.439,00	30.955,00	25.011,00	2.501,00	22.510,00	
340 - 341	Chi quản lý hành chính	2.513,00	105,00	2.408,00		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
340 - 341	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.513,00	105,00	2.408,00		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
340 - 341	+ Chi con người	1.463,00		1.463,00		-				-			-			
340 - 341	+ Chi hoạt động	1.050,00	105,00	945,00		-				-			-			
340 - 341	+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc và thu phí	-				-				-			-			
340 - 341	+ Kinh phí trích thu hồi sau thanh tra	-				-				-			-			
340 - 341	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
340 - 341	+ KP mua xe ô tô chuyên dùng	-		-		-				-			-			
340 - 341	+ KP sửa chữa trụ sở	-	-			-				-			-			
340 - 341	+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc thu phí	-				-				-			-			
340 - 341	+ Kinh phí mua trang phục thanh tra	-				-				-			-			
340 - 341	+ Kinh phí xử phạt hành chính	-				-				-			-			
340 - 341	+ Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024	-				-				-			-			
340 - 341	+ Kinh phí hỗ trợ luân chuyển, điều động	-				-				-			-			
340 - 341	+ Kinh phí lắp đặt máy bơm chữa cháy động cơ điện, lắp đặt HT báo cháy tự động	-	-	-		-				-			-			
340 - 341	+ KP mua sắm trang thiết bị văn phòng	-				-				-			-			
070	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
070 - 085	- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y	-				-				-			-			
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.763,00	276,30	2.486,70	-	68.627,00	6.090,00	62.537,00	-	34.394,00	3.439,00	30.955,00	25.011,00	2.501,00	22.510,00	
	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
130 - 131	Y tế dự phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
130 - 131	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-				-				-			-		
130 - 131	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-				-				-			-		
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Bệnh viện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa giao tự chủ														
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-				-				-			-		-
130 - 132	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-				-				-			-		
	- Trạm Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-				-				-			-		
130 - 132	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-				-				-			-		
130 - 139	Y tế khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 139	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-				-				-			-		
130 - 139	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-				-				-			-		
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	2.763,00	276,30	2.486,70	-	68.627,00	6.090,00	62.537,00	-	34.394,00	3.439,00	30.955,00	25.011,00	2.501,00	22.510,00
130 - 131	Các chương trình phòng bệnh khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	+ Phòng chống bệnh nghề nghiệp	-				-				-			-		
130 - 131	+ Phòng chống tai nạn thương tích	-				-				-			-		
130 - 131	+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân lao	-				-				-			-		
130 - 131	+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân phong	-				-				-			-		
130 - 131	Tập chí sức khỏe Đồng Nai	-				-				-			-		
130 - 131	Thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình, báo Đồng Nai	-				-				-			-		
130 - 131	KP đối ứng dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin	-				-				-			-		
130 - 131	Phòng chống dịch bệnh tay chân miệng	-				-				-			-		

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
130 - 131	+ Phòng chống dịch bệnh khác	-				-				-			-		
130 - 131	KP đối ứng quỹ toàn cầu	-				-				-			-		
130 - 131	Chương trình Y tế - Dân số	2.763,00	276,30	2.486,70		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
130 - 131	Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống phong	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống lao	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt rét	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống ung thư	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	+ Phòng, chống bệnh đái tháo đường	-				-				-			-		
130 - 131	+ Phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh Phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động Y tế trường học	-				-				-			-		
130 - 131	Dự án 2 Tiêm chủng mở rộng	-				-				-			-		
130 - 131	Dự án 3 Dân số và phát triển	2.325,00	232,50	2.092,50		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	- Hoạt động Dân số - kế hoạch hóa gia đình	2.287,00	228,70	2.058,30		-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa trên cộng đồng	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	38,00	3,80	34,20		-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	-				-				-			-		
130 - 131	- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	-				-				-			-		
130 - 131	Dự án 4 An toàn thực phẩm	-				-				-			-		

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
130 - 131	Dự án 5 Phòng , chống HIV/AIDS	-				-				-			-		
130 - 131	Dự án 6 Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học	-				-				-			-		
130 - 131	Dự án 7 Quân dân y kết hợp	-				-				-			-		
130 - 131	Dự án 8 Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế	438,00	43,80	394,20		-				-			-		
130-132	Kinh phí đặt hàng khám chữa bệnh	-	-	-	-	20.269,00	2.027,00	18.242,00	-	-	-	-	-	-	-
130 - 132	+ KP thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ KB; CB_Bệnh nhân phong	-				-				-			-		
130 - 132	+ KP hoạt động quản lý Khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-				1.069,00	107,00	962,00		-			-		
130 - 132	+ KP khám chữa bệnh, mua thuốc cho khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-				19.200,00	1.920,00	17.280,00		-			-		
130 - 139	Kinh phí bồi dưỡng Cộng tác viên dân số	-				-				-			-		
130 - 139	Trợ cấp y tế thôn bản	-				-				-			-		
130 - 139	Trợ cấp y tế khu phố	-				-				-			-		
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ nguồn nhân lực y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025 (theo NQ 34/2022/NQ-HĐND)	-				38.190,00	3.819,00	34.371,00		31.950,00	3.195,00	28.755,00	24.900,00	2.490,00	22.410,00
130 - 139	Trợ cấp đặc thù (methadone)	-				-				-			-		
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho đối tượng nhiễm HIV/AIDS	-				-				-			-		
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND	-				2.444,00	244,00	2.200,00		2.444,00	244,00	2.200,00	111,00	11,00	100,00
130-139	Kinh phí thực hiện giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở cấp nước tập trung - Đề án cấp nước sạch; Kinh phí Quy chuẩn địa phương về chất lượng nước sạch														
130-139	Kinh phí Giám sát và xây dựng quy chuẩn kỹ thuật nước sạch														
130 - 139	Các hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 139	+ Hoạt động ngành	-				-				-			-		
130 - 139	+ Hoạt động kiểm nghiệm	-				-				-			-		
130 - 139	+ Tiền mua mẫu kiểm nghiệm	-				-				-			-		
130 - 139	+ Khám tuyển nghĩa vụ quân sự	-				-				-			-		

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
131 - 139	+ Kinh phí Khám sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy quản lý	-				-				-			-		
130 - 139	+ Đề án Methadone (mua test xét nghiệm, mua thuốc Methadone, hội nghị, tập huấn...)	-				-				-			-		
130 - 139	Kinh phí sửa chữa các đơn vị	-	-	-	-	7.724,00	-	7.724,00	-	-	-	-	-	-	-
131 - 139	+ KP sửa chữa một số hạng mục của TTYT huyện	-				-				-			-		
131 - 139	+ KP sửa chữa cơ sở 2 TTYT huyện Thống Nhất	-				-				-			-		
131 - 139	+ KP cải tạo thay mới hệ thống thang máy và hệ thống điện của BV Y Dược cổ truyền	-				-				-			-		
131 - 139	+ KP sửa chữa một số hạng mục xuống cấp của BVĐK Đồng Nai	-				7.724,00		7.724,00		-			-		
	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
0473 130-139	+ CTMTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025														
0517 130-139	+ CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I: Từ năm 2023 đến năm 2025 _ DA 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao thể lực, tâm vóc người DTTS														

Đơn vị: **Bệnh viện Phổi**
Mã số: **1073803**
Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

Bệnh viện Da Liễu
1073802
1761

Bệnh viện ĐKKV Long Khánh
1073799
1766

Bệnh viện ĐKKV Long Thành
1073794
1767

Bệnh viện ĐKKV Định Quán
1079060
1768

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	22.548,00	164,70	22.383,30	-	10.970,00	336,10	10.397,90	236,00	26.973,00	2.697,00	24.276,00	28.771,00	1.377,00	27.394,00	13.827,00	1.383,00	12.444,00
340 - 341	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Chi con người	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Chi hoạt động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc và thu phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí trích thu hồi sau thanh tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ KP mua xe ô tô chuyên dùng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ KP sửa chữa trụ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc thu phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí mua trang phục thanh tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí xử phạt hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí hỗ trợ luân chuyển, điều động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí lắp đặt máy bơm chữa cháy động cơ điện, lắp đặt HT báo cháy tự động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ KP mua sắm trang thiết bị văn phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
070	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
070 - 085	- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	22.548,00	164,70	22.383,30	-	10.970,00	336,10	10.397,90	236,00	26.973,00	2.697,00	24.276,00	28.771,00	1.377,00	27.394,00	13.827,00	1.383,00	12.444,00
	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	17.148,00	-	17.148,00	-	5.647,00	-	5.411,00	236,00	-	-	-	15.000,00	-	15.000,00	-	-	-
130 - 131	Y tế dự phòng	-	-	-	-	2.731,00	-	2.495,00	236,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-	-	-	-	2.495,00	-	2.495,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	-	-	-	-	236,00	-	-	236,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 132	Khám bệnh, chữa bệnh	17.148,00	-	17.148,00	-	2.916,00	-	2.916,00	-	-	-	-	15.000,00	-	15.000,00	-	-	-
	- Bệnh viện	17.148,00	-	17.148,00	-	2.916,00	-	2.916,00	-	-	-	-	15.000,00	-	15.000,00	-	-	-

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa giao tự chủ												15.000,00		15.000,00						
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	17.148,00		17.148,00		2.916,00		2.916,00		-			-		-		-				
130 - 132	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-				-				-			-				-				
	- Trạm Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-				-				-			-				-				
130 - 132	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-				-				-			-				-				
130 - 139	Y tế khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
130 - 139	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-				-				-			-				-				
130 - 139	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-				-				-			-				-				
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.400,00	164,70	5.235,30	-	5.323,00	336,10	4.986,90	-	26.973,00	2.697,00	24.276,00	13.771,00	1.377,00	12.394,00	13.827,00	1.383,00	12.444,00			
130 - 131	Các chương trình phòng bệnh khác	100,00	10,00	90,00	-	336,00	34,00	302,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
130 - 131	+ Phòng chống bệnh nghề nghiệp	-				-				-			-				-				
130 - 131	+ Phòng chống tai nạn thương tích	-				-				-			-				-				
130 - 131	+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân lao	100,00	10,00	90,00		-				-			-				-				
130 - 131	+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân phong	-				336,00	34,00	302,00		-			-				-				
130 - 131	Tập chỉ sức khỏe Đồng Nai	-				-				-			-				-				
130 - 131	Thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình, báo Đồng Nai	-				-				-			-				-				
130 - 131	KP đối ứng dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin	-				-				-			-				-				
130 - 131	Phòng chống dịch bệnh tay chân miệng	-				-				-			-				-				
130 - 131	+ Phòng chống dịch bệnh khác	-				-				-			-				-				
130 - 131	KP đối ứng quỹ toàn cầu	-				-				-			-				-				
130 - 131	Chương trình Y tế - Dân số	1.547,00	154,70	1.392,30		81,00	8,10	72,90		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
130 - 131	Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	1.547,00	154,70	1.392,30		81,00	8,10	72,90		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống phong	-				81,00	8,10	72,90		-			-				-				
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống lao	1.464,00	146,40	1.317,60		-				-			-				-				
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt rét	-				-				-			-				-				
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết	-				-				-			-				-				
130 - 131	- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	-				-				-			-				-				

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống ung thư	-				-				-			-			-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	-				-				-			-			-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	-	-		-	-	-		-	-	-		-	-		-	-	-
130 - 131	+ Phòng, chống bệnh đái tháo đường	-				-				-			-			-		
130 - 131	+ Phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	-				-				-			-			-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh Phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản	83,00	8,30	74,70		-				-			-			-		
130 - 131	- Hoạt động Y tế trường học	-				-				-			-			-		
130 - 131	Dự án 2 Tiêm chủng mở rộng	-				-				-			-			-		
130 - 131	Dự án 3 Dân số và phát triển	-	-		-	-	-		-	-	-		-	-		-	-	-
130 - 131	- Hoạt động Dân số - kế hoạch hóa gia đình	-				-				-			-			-		
130 - 131	- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa trên cộng đồng	-				-				-			-			-		
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	-				-				-			-			-		
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	-				-				-			-			-		
130 - 131	- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	-				-				-			-			-		
130 - 131	Dự án 4 An toàn thực phẩm	-				-				-			-			-		
130 - 131	Dự án 5 Phòng , chống HIV/AIDS	-				-				-			-			-		
130 - 131	Dự án 6 Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học	-				-				-			-			-		
130 - 131	Dự án 7 Quần dân y kết hợp	-				-				-			-			-		
130 - 131	Dự án 8 Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế	-				-				-			-			-		
130-132	Kinh phí đặt hàng khám chữa bệnh	-	-		-	1.966,00	-	1.966,00		-	-		-	-		-	-	-
130 - 132	+ KP thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ KB; CB_Bệnh nhân phong	-				1.966,00	-	1.966,00		-			-			-		
130 - 132	+ KP hoạt động quản lý Khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-				-				-			-			-		
130 - 132	+ KP khám chữa bệnh, mua thuốc cho khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-				-				-			-			-		
130 - 139	Kinh phí bồi dưỡng Cộng tác viên dân số	-				-				-			-			-		
130 - 139	Trợ cấp y tế thôn bản	-				-				-			-			-		
130 - 139	Trợ cấp y tế khu phố	-				-				-			-			-		

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ nguồn nhân lực y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025 (theo NQ 34/2022/NQ-HĐND)	3.753,00	-	3.753,00		2.940,00	294,00	2.646,00		26.640,00	2.664,00	23.976,00	13.660,00	1.366,00	12.294,00	13.660,00	1.366,00	12.294,00
130 - 139	Trợ cấp đặc thù (methadone)	-				-				-			-			-		
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho đối tượng nhiễm HIV/AIDS	-				-				-			-			-		
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND	-				-				333,00	33,00	300,00	111,00	11,00	100,00	167,00	17,00	150,00
130-139	Kinh phí thực hiện giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở cấp nước tập trung - Đề án cấp nước sạch; Kinh phí Quy chuẩn địa phương về chất lượng nước sạch																	
130-139	Kinh phí Giám sát và xây dựng quy chuẩn kỹ thuật nước sạch																	
130 - 139	Các hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 139	+ Hoạt động ngành	-				-				-			-			-		
130 - 139	+ Hoạt động kiểm nghiệm	-				-				-			-			-		
130 - 139	+ Tiền mua mẫu kiểm nghiệm	-				-				-			-			-		
130 - 139	+ Khám tuyển nghĩa vụ quân sự	-				-				-			-			-		
131 - 139	+ Kinh phí Khám sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy quản lý	-				-				-			-			-		
130 - 139	+ Đề án Methadone (mua test xét nghiệm, mua thuốc Methadone, hội nghị, tập huấn...)	-				-				-			-			-		
130 - 139	Kinh phí sửa chữa các đơn vị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
131 - 139	+ KP sửa chữa một số hạng mục của TTYT huyện	-				-				-			-			-		
131 - 139	+ KP sửa chữa cơ sở 2 TTYT huyện Thống Nhất	-				-				-			-			-		
131 - 139	+ KP cải tạo thay mới hệ thống thang máy và hệ thống điện của BVY Dược cổ truyền	-				-				-			-			-		
131 - 139	+ KP sửa chữa một số hạng mục xuống cấp của BVĐK Đồng Nai	-				-				-			-			-		
	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
0473 130-139	+ CTMTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025																	
0517 130-139	+ CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I: Từ năm 2023 đến năm 2025_ DA 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao thể lực, tâm vóc người DTTS																	

Đơn vị: *Bệnh viện Y dược cổ truyền*
Mã số: *1079061*
Mã KBNN nơi giao dịch: *1761*

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật
1128359
1761

Trung tâm Kiểm nghiệm
1021522
1761

Trung tâm Giám định Y khoa
1025640
1761

Trung tâm Pháp Y
1028428
1761

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.910,00	491,00	15.419,00	52.140,00	1.854,80	50.285,20	8.026,00	160,00	7.220,00	646,00	1.550,00	-	1.550,00	-	2.940,00	-	2.940,00
340 - 341	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	- Kinh phí thực hiện chế độ tỵ chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Chi con người	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Chi hoạt động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc và thu phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí trích thu hồi sau thanh tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	- Kinh phí không thực hiện chế độ tỵ chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ KP mua xe ô tô chuyên dùng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ KP sửa chữa trụ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc thu phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí mua trang phục thanh tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí xử phạt hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí hỗ trợ luân chuyển, điều động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí lắp đặt máy bơm chữa cháy động cơ điện, lắp đặt HT báo cháy tự động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ KP mua sắm trang thiết bị văn phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
070	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
070 - 085	- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	15.910,00	491,00	15.419,00	52.140,00	1.854,80	50.285,20	8.026,00	160,00	7.220,00	646,00	1.550,00	-	1.550,00	-	2.940,00	-	2.940,00
	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	11.000,00	-	11.000,00	33.556,00	-	33.556,00	5.526,00	-	4.880,00	646,00	1.148,00	-	1.148,00	-	2.400,00	-	2.400,00
130 - 131	Y tế dự phòng	-	-	-	33.556,00	-	33.556,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-	-	-	33.556,00	-	33.556,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 -132	Khám bệnh, chữa bệnh	11.000,00	-	11.000,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Bệnh viện	11.000,00	-	11.000,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa giao tự chủ																	
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	11.000,00		11.000,00	-			-				-				-		
130 - 132	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-			-			-				-				-		
	- Trạm Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-			-			-				-				-		
130 - 132	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-			-			-				-				-		
130 - 139	Y tế khác	-	-	-	-	-	-	5.526,00	-	4.880,00	646,00	1.148,00	-	1.148,00	-	2.400,00	-	2.400,00
130 - 139	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-			-			4.880,00		4.880,00		1.148,00		1.148,00		2.400,00		2.400,00
130 - 139	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-			-			646,00		-	646,00	-				-		
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.910,00	491,00	4.419,00	18.584,00	1.854,80	16.729,20	2.500,00	160,00	2.340,00	-	402,00	-	402,00	-	540,00	-	540,00
130 - 131	Các chương trình phòng bệnh khác	-	-	-	72,00	7,20	64,80	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	+ Phòng chống bệnh nghề nghiệp	-			-			-				-				-		
130 - 131	+ Phòng chống tai nạn thương tích	-			-			-				-				-		
130 - 131	+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân lao	-			-			-				-				-		
130 - 131	+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân phong	-			-			-				-				-		
130 - 131	Tập chỉ sức khỏe Đồng Nai	-			-			-				-				-		
130 - 131	Thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình, báo Đồng Nai	-			-			-				-				-		
130 - 131	KP đối ứng dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin	-			-			-				-				-		
130 - 131	Phòng chống dịch bệnh tay chân miệng	-			-	-	-	-				-				-		
130 - 131	+ Phòng chống dịch bệnh khác	-			72,00	7,20	64,80	-				-				-		
130 - 131	KP đối ứng quỹ toàn cầu	-			-			-				-				-		
130 - 131	Chương trình Y tế - Dân số	-	-	-	6.666,00	666,60	5.999,40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 131	Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	-	-	-	3.171,00	317,10	2.853,90	-	-	-		-	-	-		-	-	-
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống phong	-			-			-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống lao	-			-			-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt rét	-			166,00	16,60	149,40	-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết	-			2.655,00	265,50	2.389,50	-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	-			44,00	4,40	39,60	-				-				-		

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống ung thư	-			106,00	10,60	95,40	-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	-			46,00	4,60	41,40	-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	-	-	-	119,00	11,90	107,10	-	-	-		-	-	-		-	-	-
130 - 131	+ Phòng, chống bệnh đái tháo đường	-			56,00	5,60	50,40	-				-				-		
130 - 131	+ Phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	-			63,00	6,30	56,70	-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh Phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản	-			-			-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động Y tế trường học	-			35,00	3,50	31,50	-				-				-		
130 - 131	Dự án 2 Tiêm chủng mở rộng	-			130,00	13,00	117,00	-				-				-		
130 - 131	Dự án 3 Dân số và phát triển	-	-	-	339,00	33,90	305,10	-	-	-		-	-	-		-	-	-
130 - 131	- Hoạt động Dân số - kế hoạch hóa gia đình	-			-			-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa trên cộng đồng	-			-			-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	-			-			-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	-			145,00	14,50	130,50	-				-				-		
130 - 131	- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	-			194,00	19,40	174,60	-				-				-		
130 - 131	Dự án 4 An toàn thực phẩm	-			421,00	42,10	378,90	-				-				-		
130 - 131	Dự án 5 Phòng , chống HIV/AIDS	-			765,00	76,50	688,50	-				-				-		
130 - 131	Dự án 6 Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học	-			-			-				-				-		
130 - 131	Dự án 7 Quản dân y kết hợp	-			-			-				-				-		
130 - 131	Dự án 8 Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế	-			1.840,00	184,00	1.656,00	-				-				-		
130-132	Kinh phí đặt hàng khám chữa bệnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 132	+ KP thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ KB; CB_Bệnh nhân phong	-			-			-				-				-		
130 - 132	+ KP hoạt động quản lý Khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-			-			-				-				-		
130 - 132	+ KP khám chữa bệnh, mua thuốc cho khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-			-			-				-				-		
130 - 139	Kinh phí bồi dưỡng Cộng tác viên dân số	-			-			-				-				-		
130 - 139	Trợ cấp y tế thôn bản	-			-			-				-				-		
130 - 139	Trợ cấp y tế khu phố	-			-			-				-				-		

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó	
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ nguồn nhân lực y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025 (theo NQ 34/2022/NQ-HĐND)	4.910,00	491,00	4.419,00	10.330,00	1.033,00	9.297,00	900,00		900,00		402,00	-	402,00		540,00		540,00
130 - 139	Trợ cấp đặc thù (methadone)	-			36,00	-	36,00	-				-				-		
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho đối tượng nhiễm HIV/AIDS	-			-			-				-				-		
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND	-			944,00	94,00	850,00	-				-				-		
130-139	Kinh phí thực hiện giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở cấp nước tập trung - Đề án cấp nước sạch; Kinh phí Quy chuẩn địa phương về chất lượng nước sạch																	
130-139	Kinh phí Giám sát và xây dựng quy chuẩn kỹ thuật nước sạch																	
130 - 139	Các hoạt động khác	-	-	-	536,00	54,00	482,00	1.600,00	160,00	1.440,00	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 139	+ Hoạt động ngành	-			-			-				-				-		
130 - 139	+ Hoạt động kiểm nghiệm	-			-			1.420,00	142,00	1.278,00		-				-		
130 - 139	+ Tiền mua mẫu kiểm nghiệm	-			-			180,00	18,00	162,00		-				-		
130 - 139	+ Khám tuyển nghĩa vụ quân sự	-			365,00	37,00	328,00	-				-				-		
131 - 139	+ Kinh phí Khám sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy quản lý	-			-			-				-				-		
130 - 139	+ Đề án Methadone (mua test xét nghiệm, mua thuốc Methadone, hội nghị, tập huấn...)	-			171,00	17,00	154,00	-				-				-		
130 - 139	Kinh phí sửa chữa các đơn vị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
131 - 139	+ KP sửa chữa một số hạng mục của TTYT huyện	-			-			-				-				-		
131 - 139	+ KP sửa chữa cơ sở 2 TTYT huyện Thống Nhất	-			-			-				-				-		
131 - 139	+ KP cải tạo thay mới hệ thống thang máy và hệ thống điện của BV Y Dược cổ truyền	-		-	-			-				-				-		
131 - 139	+ KP sửa chữa một số hạng mục xuống cấp của BVĐK Đồng Nai	-			-			-				-				-		
	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
0473 130-139	+ CTMTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025																	
0517 130-139	+ CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I: Từ năm 2023 đến năm 2025 _ DA 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao thể lực, tâm vóc người DTTS																	

Đơn vị: **Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa**
Mã số: **1065904**
Mã KBNN nơi giao dịch: **1761**

Trung tâm Y tế huyện Long Thành
1073738
1767

Trung tâm Y tế TP. Long Khánh
1077451
1766

Trung tâm Y tế huyện Định Quán
1065903
1768

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	85.309,20	2.133,60	77.820,60	5.355,00	37.527,80	397,60	34.825,20	2.305,00	33.111,40	284,00	30.697,40	2.130,00	43.991,60	278,90	40.388,70	3.324,00
340 - 341	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	- Kinh phí thực hiện chế độ tề chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Chi con người	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Chi hoạt động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc và thu phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí trích thu hồi sau thanh tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	- Kinh phí không thực hiện chế độ tề chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ KP mua xe ô tô chuyên dùng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ KP sửa chữa trụ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc thu phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí mua trang phục thanh tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí xử phạt hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí hỗ trợ luân chuyển, điều động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ Kinh phí lắp đặt máy bơm chữa cháy động cơ điện, lắp đặt HT báo cháy tự động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
340 - 341	+ KP mua sắm trang thiết bị văn phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
070	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
070 - 085	- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	85.309,20	2.133,60	77.820,60	5.355,00	37.527,80	397,60	34.825,20	2.305,00	33.111,40	284,00	30.697,40	2.130,00	43.991,60	278,90	40.388,70	3.324,00
	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	58.561,00	-	53.206,00	5.355,00	25.946,00	-	23.641,00	2.305,00	24.051,00	-	21.921,00	2.130,00	32.092,00	-	28.768,00	3.324,00
130 - 131	Y tế dự phòng	8.951,00	-	7.972,00	979,00	7.814,00	-	7.814,00	-	6.084,00	-	6.084,00	-	8.738,00	-	8.410,00	328,00
130 - 131	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	7.972,00	-	7.972,00	-	7.814,00	-	7.814,00	-	6.084,00	-	6.084,00	-	8.410,00	-	8.410,00	-
130 - 131	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	979,00	-	-	979,00	-	-	-	-	-	-	-	-	328,00	-	-	328,00
130 -132	Khám bệnh, chữa bệnh	49.610,00	-	45.234,00	4.376,00	18.132,00	-	15.827,00	2.305,00	17.967,00	-	15.837,00	2.130,00	23.354,00	-	20.358,00	2.996,00
	- Bệnh viện	13.389,00	-	13.389,00	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa giao tự chủ																
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	13.389,00		13.389,00		-				-				-			
130 - 132	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-				-				-				-			
	- Trạm Y tế	36.221,00	-	31.845,00	4.376,00	18.132,00	-	15.827,00	2.305,00	17.967,00	-	15.837,00	2.130,00	23.354,00	-	20.358,00	2.996,00
130 - 132	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	31.845,00		31.845,00		15.827,00		15.827,00		15.837,00		15.837,00		20.358,00		20.358,00	
130 - 132	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	4.376,00		-	4.376,00	2.305,00			2.305,00	2.130,00		-	2.130,00	2.996,00		-	2.996,00
130 - 139	Y tế khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 139	+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-				-				-				-			
130 - 139	+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/ND-CP	-				-				-				-			
	Kinh phí không thực hiện tự chủ	26.748,20	2.133,60	24.614,60	-	11.581,80	397,60	11.184,20	-	9.060,40	284,00	8.776,40	-	11.899,60	278,90	11.620,70	-
130 - 131	Các chương trình phòng bệnh khác	480,00	48,00	432,00	-	195,00	19,50	175,50	-	155,00	15,50	139,50	-	200,00	20,00	180,00	-
130 - 131	+ Phòng chống bệnh nghề nghiệp	-				-				-				-			
130 - 131	+ Phòng chống tai nạn thương tích	-				-				-				-			
130 - 131	+ Tiễn ăn miễn phí bệnh nhân lao	-				-				-				-			
130 - 131	+ Tiễn ăn miễn phí bệnh nhân phong	-				-				-				-			
130 - 131	Tạp chí sức khỏe Đồng Nai	-				-				-				-			
130 - 131	Thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình, báo Đồng Nai	-				-				-				-			
130 - 131	KP đối ứng dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin	-				-				-				-			
130 - 131	Phòng chống dịch bệnh tay chân miệng	-				-				-				-			
130 - 131	+ Phòng chống dịch bệnh khác	480,00	48,00	432,00		195,00	19,50	175,50		155,00	15,50	139,50		200,00	20,00	180,00	
130 - 131	KP đối ứng quỹ toàn cầu	-				-				-				-			
130 - 131	Chương trình Y tế - Dân số	4.633,00	463,30	4.169,70		3.295,00	329,50	2.965,50		2.231,00	223,10	2.007,90		2.493,00	249,40	2.243,60	
130 - 131	Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	2.545,00	254,50	2.290,50		2.111,00	211,10	1.899,90		897,00	89,70	807,30		1.197,00	119,80	1.077,20	
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống phong	-				-				-				-			
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống lao	-				-				-				-			
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt rét	-				-				-				-			
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết	1.897,00	189,70	1.707,30		1.739,00	173,90	1.565,10		521,00	52,10	468,90		709,00	70,90	638,10	
130 - 131	- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	410,00	41,00	369,00		126,00	12,60	113,40		256,00	25,60	230,40		294,00	29,40	264,60	

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống ung thư	68,00	6,80	61,20		50,00	5,00	45,00		43,00	4,30	38,70		47,00	4,70	42,30	
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	41,00	4,10	36,90		26,00	2,60	23,40		21,00	2,10	18,90		25,00	2,50	22,50	
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	106,00	10,60	95,40		154,00	15,40	138,60		46,00	4,60	41,40		89,00	9,00	80,00	
130 - 131	+ Phòng, chống bệnh đái tháo đường	80,00	8,00	72,00		132,00	13,20	118,80		30,00	3,00	27,00		70,00	7,00	63,00	
130 - 131	+ Phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	26,00	2,60	23,40		22,00	2,20	19,80		16,00	1,60	14,40		19,00	2,00	17,00	
130 - 131	- Hoạt động phòng, chống bệnh Phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản	-				-				-				-			
130 - 131	- Hoạt động Y tế trường học	23,00	2,30	20,70		16,00	1,60	14,40		10,00	1,00	9,00		33,00	3,30	29,70	
130 - 131	Dự án 2 Tiêm chủng mở rộng	362,00	36,20	325,80		113,00	11,30	101,70		187,00	18,70	168,30		174,00	17,40	156,60	
130 - 131	Dự án 3 Dân số và phát triển	1.584,00	158,40	1.425,60		906,00	90,60	815,40		991,00	99,10	891,90		1.021,00	102,10	918,90	
130 - 131	- Hoạt động Dân số - kế hoạch hóa gia đình	404,00	40,40	363,60		267,00	26,70	240,30		291,00	29,10	261,90		347,00	34,70	312,30	
130 - 131	- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa trên cộng đồng	-				-				-				-			
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	965,00	96,50	868,50		512,00	51,20	460,80		579,00	57,90	521,10		526,00	52,60	473,40	
130 - 131	- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	-				25,00	2,50	22,50		-				-			
130 - 131	- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	215,00	21,50	193,50		102,00	10,20	91,80		121,00	12,10	108,90		148,00	14,80	133,20	
130 - 131	Dự án 4 An toàn thực phẩm	-				-				-				-			
130 - 131	Dự án 5 Phòng , chống HIV/AIDS	122,00	12,20	109,80		145,00	14,50	130,50		136,00	13,60	122,40		81,00	8,10	72,90	
130 - 131	Dự án 6 Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học	-				-				-				-			
130 - 131	Dự án 7 Quân dân y kết hợp	-				-				-				-			
130 - 131	Dự án 8 Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế	20,00	2,00	18,00		20,00	2,00	18,00		20,00	2,00	18,00		20,00	2,00	18,00	
130-132	Kinh phí đặt hàng khám chữa bệnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
130 - 132	+ KP thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ KB; CB_Bệnh nhân phong	-				-				-				-			
130 - 132	+ KP hoạt động quản lý Khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-				-				-				-			
130 - 132	+ KP khám chữa bệnh, mua thuốc cho khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-				-				-				-			
130 - 139	Kinh phí bồi dưỡng Cộng tác viên dân số	4.141,20	-	4.141,20		1.234,80	-	1.234,80		638,40	-	638,40		1.041,60	-	1.041,60	
130 - 139	Trợ cấp y tế thôn bản	13,00		13,00		486,00		486,00		98,00		98,00		564,00		564,00	
130 - 139	Trợ cấp y tế khu phố	1.188,00		1.188,00		36,00		36,00		258,00		258,00		54,00		54,00	

LOẠI KHOẢN	Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ nguồn nhân lực y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025 (theo NQ 34/2022/NQ-HĐND)	15.770,00	1.577,00	14.193,00		5.630,00	-	5.630,00		5.080,00	-	5.080,00		7.416,00	-	7.416,00	
130 - 139	Trợ cấp đặc thù (methadone)	72,00	-	72,00		216,00	-	216,00		144,00	-	144,00		36,00	-	36,00	
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho đối tượng nhiễm HIV/AIDS	-				-				-				-			
130 - 139	Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND	278,00	28,00	250,00		333,00	33,00	300,00		222,00	22,00	200,00		-	-	-	
130-139	Kinh phí thực hiện giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở cấp nước tập trung - Đề án cấp nước sạch; Kinh phí Quy chuẩn địa phương về chất lượng nước sạch																
130-139	Kinh phí Giám sát và xây dựng quy chuẩn kỹ thuật nước sạch																
130 - 139	Các hoạt động khác	173,00	17,30	155,70	-	156,00	15,60	140,40	-	234,00	23,40	210,60	-	95,00	9,50	85,50	-
130 - 139	+ Hoạt động ngành	-				-				-				-			
130 - 139	+ Hoạt động kiểm nghiệm	-				-				-				-			
130 - 139	+ Tiền mua mẫu kiểm nghiệm	-				-				-				-			
130 - 139	+ Khám tuyển nghĩa vụ quân sự	-				-				-				-			
131 - 139	+ Kinh phí Khám sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy quản lý	-				-				-				-			
130 - 139	+ Đề án Methadone (mua test xét nghiệm, mua thuốc Methadone, hội nghị, tập huấn...)	173,00	17,30	155,70		156,00	15,60	140,40		234,00	23,40	210,60		95,00	9,50	85,50	
130 - 139	Kinh phí sửa chữa các đơn vị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
131 - 139	+ KP sửa chữa một số hạng mục của TTYT huyện	-				-				-				-			
131 - 139	+ KP sửa chữa cơ sở 2 TTYT huyện Thống Nhất	-				-				-				-			
131 - 139	+ KP cải tạo thay mới hệ thống thang máy và hệ thống điện của BV Y Dược cổ truyền	-				-				-				-			
131 - 139	+ KP sửa chữa một số hạng mục xuống cấp của BVĐK Đồng Nai	-				-				-				-			
	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
0473 130-139	+ CTMTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025																
0517 130-139	+ CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn I: Từ năm 2023 đến năm 2025 _ DA 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao thể lực, tâm vóc người DTTS																

Đơn vị: **Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom**
Mã số: **1021518**
Mã KBNN nơi giao dịch: **1764**

Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất
1046430
1771

Trung tâm Y tế huyện Tân Phú
1073805
1763

Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc
1025637
1765

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP
Dự toán chi ngân sách nhà nước	57.513,60	461,60	54.160,00	2.892,00	42.292,00	262,30	39.194,70	2.835,00	57.411,60	304,30	53.165,30	3.942,00	56.489,00	281,20	52.964,80	3.243,00
Chi quản lý hành chính	-	-	-		-	-	-		-	-	-		-	-	-	
- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-		-	-	-		-	-	-		-	-	-	
+ Chi con người	-				-				-				-			
+ Chi hoạt động	-				-				-				-			
+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc và thu phí	-				-				-				-			
+ Kinh phí trích thu hồi sau thanh tra	-				-				-				-			
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-		-	-	-		-	-	-		-	-	-	
+ KP mua xe ô tô chuyên dùng	-				-				-				-			
+ KP sửa chữa trụ sở	-				-				-				-			
+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc thu phí	-				-				-				-			
+ Kinh phí mua trang phục thanh tra	-				-				-				-			
+ Kinh phí xử phạt hành chính	-				-				-				-			
+ Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024	-				-				-				-			
+ Kinh phí hỗ trợ luân chuyển, điều động	-				-				-				-			
+ Kinh phí lắp đặt máy bơm chữa cháy động cơ điện, lắp đặt HT báo cháy tự động	-				-				-				-			
+ KP mua sắm trang thiết bị văn phòng	-				-				-				-			
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-	-		-	-	-		-	-	-		-	-	-	
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-		-	-	-		-	-	-		-	-	-	
- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y	-				-				-				-			
Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	57.513,60	461,60	54.160,00	2.892,00	42.292,00	262,30	39.194,70	2.835,00	57.411,60	304,30	53.165,30	3.942,00	56.489,00	281,20	52.964,80	3.243,00
Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	38.476,00	-	35.584,00	2.892,00	28.662,00	-	25.827,00	2.835,00	41.452,00	-	37.510,00	3.942,00	37.211,00	-	33.968,00	3.243,00
Y tế dự phòng	6.733,00	-	6.669,00	64,00	6.641,00	-	5.822,00	819,00	8.142,00	-	7.198,00	944,00	7.388,00	-	7.166,00	222,00
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	6.669,00		6.669,00		5.822,00		5.822,00		7.198,00		7.198,00		7.166,00		7.166,00	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	64,00		-	64,00	819,00			819,00	944,00		-	944,00	222,00			222,00
Khám bệnh, chữa bệnh	31.743,00	-	28.915,00	2.828,00	22.021,00	-	20.005,00	2.016,00	33.310,00	-	30.312,00	2.998,00	29.823,00	-	26.802,00	3.021,00
- Bệnh viện	9.129,00	-	9.129,00	-	6.812,00	-	6.812,00	-	11.000,00	-	11.000,00	-	8.520,00	-	8.520,00	-

Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ- CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ- CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ- CP
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa giao tự chủ																
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	9.129,00		9.129,00		6.812,00		6.812,00		11.000,00		11.000,00		8.520,00		8.520,00	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	-				-		-		-				-		-	
- Trạm Y tế	22.614,00	-	19.786,00	2.828,00	15.209,00	-	13.193,00	2.016,00	22.310,00	-	19.312,00	2.998,00	21.303,00	-	18.282,00	3.021,00
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	19.786,00		19.786,00		13.193,00		13.193,00		19.312,00		19.312,00		18.282,00		18.282,00	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	2.828,00		-	2.828,00	2.016,00		-	2.016,00	2.998,00		-	2.998,00	3.021,00		-	3.021,00
Y tế khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-				-				-				-			
+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	-				-				-				-			
Kinh phí không thực hiện tự chủ	19.037,60	461,60	18.576,00	-	13.630,00	262,30	13.367,70	-	15.959,60	304,30	15.655,30	-	19.278,00	281,20	18.996,80	-
Các chương trình phòng bệnh khác	220,00	22,00	198,00	-	120,00	12,00	108,00	-	145,00	14,50	130,50	-	157,00	15,70	141,30	-
+ Phòng chống bệnh nghề nghiệp	-	-			-				-				-			
+ Phòng chống tai nạn thương tích	-	-			-				-				-			
+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân lao	-	-			-				-				-			
+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân phong	-	-			-				-				-			
Tap chí sức khỏe Đồng Nai	-	-			-				-				-			
Thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình, báo Đồng Nai	-	-			-				-				-			
KP đối ứng dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin	-	-			-				-				-			
Phòng chống dịch bệnh tay chân miệng	-	-			-				-				-			
+ Phòng chống dịch bệnh khác	220,00	22,00	198,00		120,00	12,00	108,00		145,00	14,50	130,50		157,00	15,70	141,30	
KP đối ứng quỹ toàn cầu	-	-			-				-				-			
Chương trình Y tế - Dân số	4.172,00	417,10	3.754,90		2.370,00	237,00	2.133,00		2.788,00	278,80	2.509,20		2.456,00	245,60	2.210,40	
Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	2.640,00	263,90	2.376,10		1.426,00	142,60	1.283,40		1.315,00	131,50	1.183,50		1.172,00	117,20	1.054,80	
- Hoạt động phòng, chống phong	-				-				-				-			
- Hoạt động phòng, chống lao	-				-				-				-			
- Hoạt động phòng, chống sốt rét	-				-				-				-			
- Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết	2.283,00	228,30	2.054,70		578,00	57,80	520,20		692,00	69,20	622,80		762,00	76,20	685,80	
- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	175,00	17,50	157,50		622,00	62,20	559,80		355,00	35,50	319,50		239,00	23,90	215,10	

Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND- CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND- CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND- CP
- Hoạt động phòng, chống ung thư	57,00	5,70	51,30		83,00	8,30	74,70		64,00	6,40	57,60		59,00	5,90	53,10	
- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	39,00	3,90	35,10		32,00	3,20	28,80		45,00	4,50	40,50		24,00	2,40	21,60	
- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	81,00	8,00	73,00		86,00	8,60	77,40		127,00	12,70	114,30		78,00	7,80	70,20	
+ Phòng, chống bệnh đái tháo đường	60,00	6,00	54,00		61,00	6,10	54,90		98,00	9,80	88,20		61,00	6,10	54,90	
+ Phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	21,00	2,00	19,00		25,00	2,50	22,50		29,00	2,90	26,10		17,00	1,70	15,30	
- Hoạt động phòng, chống bệnh Phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản	-				-				-				-			
- Hoạt động Y tế trường học	5,00	0,50	4,50		25,00	2,50	22,50		32,00	3,20	28,80		10,00	1,00	9,00	
Dự án 2 Tiêm chủng mở rộng	275,00	27,50	247,50		101,00	10,10	90,90		122,00	12,20	109,80		101,00	10,10	90,90	
Dự án 3 Dân số và phát triển	1.138,00	113,80	1.024,20		738,00	73,80	664,20		1.252,00	125,20	1.126,80		1.051,00	105,10	945,90	
- Hoạt động Dân số - kế hoạch hóa gia đình	403,00	40,30	362,70		221,00	22,10	198,90		404,00	40,40	363,60		345,00	34,50	310,50	
- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa trên cộng đồng	-				-				-				-			
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	653,00	65,30	587,70		400,00	40,00	360,00		692,00	69,20	622,80		533,00	53,30	479,70	
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	-				8,00	0,80	7,20		54,00	5,40	48,60		81,00	8,10	72,90	
- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	82,00	8,20	73,80		109,00	10,90	98,10		102,00	10,20	91,80		92,00	9,20	82,80	
Dự án 4 An toàn thực phẩm	-				-				-				-			
Dự án 5 Phòng, chống HIV/AIDS	99,00	9,90	89,10		85,00	8,50	76,50		79,00	7,90	71,10		112,00	11,20	100,80	
Dự án 6 Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học	-				-				-				-			
Dự án 7 Quản dân y kết hợp	-				-				-				-			
Dự án 8 Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế	20,00	2,00	18,00		20,00	2,00	18,00		20,00	2,00	18,00		20,00	2,00	18,00	
Kinh phí đặt hàng khám chữa bệnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ KP thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ KB; CB_Bệnh nhân phong	-				-				-				-			
+ KP hoạt động quản lý Khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-				-				-				-			
+ KP khám chữa bệnh, mua thuốc cho khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-				-				-				-			
Kinh phí bồi dưỡng Cộng tác viên dân số	1.545,60	-	1.545,60		840,00	-	840,00		810,60	-	810,60		1.470,00	-	1.470,00	
Trợ cấp y tế thôn bản	428,00		428,00		260,00		260,00		551,00		551,00		545,00		545,00	
Trợ cấp y tế khu phố	30,00		30,00		24,00		24,00		54,00		54,00		48,00		48,00	

Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/ND-CP
Kinh phí hỗ trợ nguồn nhân lực y tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2025 (theo NQ 34/2022/NQ-HĐND)	12.272,00	-	12.272,00		9.812,00	-	9.812,00		11.500,00	-	11.500,00		14.328,00	-	14.328,00	
Trợ cấp đặc thù (methadone)	144,00	-	144,00		72,00	-	72,00		-				72,00	-	72,00	
Kinh phí hỗ trợ mua thẻ BHYT cho đối tượng nhiễm HIV/AIDS	-				-				-				-			
Kinh phí hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND	111,00	11,00	100,00		89,00	9,00	80,00		111,00	11,00	100,00		133,00	13,00	120,00	
Kinh phí thực hiện giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở cấp nước tập trung - Đề án cấp nước sạch; Kinh phí Quy chuẩn địa phương về chất lượng nước sạch																
Kinh phí Giám sát và xây dựng quy chuẩn kỹ thuật nước sạch																
Các hoạt động khác	115,00	11,50	103,50	-	43,00	4,30	38,70	-	-	-	-	-	69,00	6,90	62,10	-
+ Hoạt động ngăn ngừa	-				-				-				-			
+ Hoạt động kiểm nghiệm	-				-				-				-			
+ Tiền mua mẫu kiểm nghiệm	-				-				-				-			
+ Khám tuyển nghĩa vụ quân sự	-				-				-				-			
+ Kinh phí Khám sức khỏe cán bộ Tỉnh ủy quản lý	-				-				-				-			
+ Đề án Methadone (mua test xét nghiệm, mua thuốc Methadone, hội nghị, tập huấn...)	115,00	11,50	103,50		43,00	4,30	38,70		-				69,00	6,90	62,10	
Kinh phí sửa chữa các đơn vị	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ KP sửa chữa một số hạng mục của TTYT huyện	-				-				-				-			
+ KP sửa chữa cơ sở 2 TTYT huyện Thống Nhất	-				-			-	-				-			
+ KP cải tạo thay mới hệ thống thang máy và hệ thống điện của BV Y Dược cổ truyền	-				-				-				-			
+ KP sửa chữa một số hạng mục xuống cấp của BVĐK Đồng Nai	-				-				-				-			
Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ CTMTQG Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025																
+ CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023-2030, giai đoạn 1: Từ năm 2023 đến năm 2025 DA 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao thể lực, tâm vóc người DTTS																

Đơn vị: **Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu**
Mã số: **1027521**
Mã KBNN nơi giao dịch: **1762**

Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch
1046172
1769

Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ
1021514
1772

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

DVT: Triệu đồng

Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP
Dự toán chi ngân sách nhà nước	58.052,20	263,20	50.757,00	-	43.617,60	375,70	40.810,90	2.431,00	47.280,00	277,20	43.766,80	3.236,00
Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Chi con người	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Chi hoạt động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc và thu phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Kinh phí trích thu hồi sau thanh tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ KP mua xe ô tô chuyên dùng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ KP sửa chữa trụ sở	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Kinh phí hoạt động cho việc thực hiện công việc thu phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Kinh phí mua trang phục thanh tra	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Kinh phí xử phạt hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Kinh phí phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2024	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Kinh phí hỗ trợ luân chuyển, điều động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Kinh phí lắp đặt máy bơm chữa cháy động cơ điện, lắp đặt HT báo cháy tự động	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ KP mua sắm trang thiết bị văn phòng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành y	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP
Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	58.052,20	263,20	50.757,00	-	43.617,60	375,70	40.810,90	2.431,00	47.280,00	277,20	43.766,80	3.236,00
Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	42.533,00	-	35.501,00	-	29.096,00	-	26.665,00	2.431,00	31.158,00	-	27.922,00	3.236,00
Y tế dự phòng	6.679,00	-	5.820,00	-	5.888,00	-	5.178,00	710,00	8.219,00	-	7.177,00	1.042,00
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	5.820,00		5.820,00		5.178,00		5.178,00		7.177,00		7.177,00	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	859,00				710,00		-	710,00	1.042,00		-	1.042,00
Khám bệnh, chữa bệnh	35.854,00	-	29.681,00	-	23.208,00	-	21.487,00	1.721,00	22.939,00	-	20.745,00	2.194,00
- Bệnh viện	20.056,00	-	15.932,00	-	9.197,00	-	9.197,00	-	5.000,00	-	5.000,00	-
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên chưa giao tự chủ												
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	15.932,00		15.932,00		9.197,00		9.197,00		5.000,00		5.000,00	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	4.124,00		-		-				-			
- Trạm Y tế	15.798,00	-	13.749,00	-	14.011,00	-	12.290,00	1.721,00	17.939,00	-	15.745,00	2.194,00
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	13.749,00		13.749,00		12.290,00		12.290,00		15.745,00		15.745,00	
+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	2.049,00		-		1.721,00		-	1.721,00	2.194,00		-	2.194,00
Y tế khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Kinh phí hỗ trợ hoạt động thường xuyên	-				-				-			
+ Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP	-				-				-			
Kinh phí không thực hiện tự chủ	15.519,20	263,20	15.256,00	-	14.521,60	375,70	14.145,90	-	16.122,00	277,20	15.844,80	-
Các chương trình phòng bệnh khác	220,00	22,00	198,00	-	165,00	16,50	148,50	-	211,00	21,10	189,90	-
+ Phòng chống bệnh nghề nghiệp	-				-				-			
+ Phòng chống tai nạn thương tích	-				-				-			
+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân lao	-				-				-			

Nội dung	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó		
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP
+ Tiền ăn miễn phí bệnh nhân phong	-				-				-			
Tạp chí sức khỏe Đồng Nai	-				-				-			
Thông tin tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền hình, báo Đồng Nai	-				-				-			
KP đối ứng dự án sáng kiến khu vực ngăn chặn sốt rét kháng thuốc Artemisinin	-				-				-			
Phòng chống dịch bệnh tay chân miệng	-				-				-			
+ Phòng chống dịch bệnh khác	220,00	22,00	198,00		165,00	16,50	148,50		211,00	21,10	189,90	
KP đối ứng quỹ toàn cầu	-				-				-			
Chương trình Y tế - Dân số	2.297,00	229,70	2.067,30	-	3.152,00	315,20	2.836,80		2.471,00	247,10	2.223,90	
Dự án 1: Phòng chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến	1.083,00	108,30	974,70	-	2.111,00	211,10	1.899,90		1.371,00	137,10	1.233,90	
- Hoạt động phòng, chống phong	-				-				-			
- Hoạt động phòng, chống lao	-				-				-			
- Hoạt động phòng, chống sốt rét	33,00	3,30	29,70		-				-			
- Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết	723,00	72,30	650,70		1.910,00	191,00	1.719,00		665,00	66,50	598,50	
- Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	172,00	17,20	154,80		90,00	9,00	81,00		494,00	49,40	444,60	
- Hoạt động phòng, chống ung thư	35,00	3,50	31,50		16,00	1,60	14,40		73,00	7,30	65,70	
- Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch	22,00	2,20	19,80		29,00	2,90	26,10		31,00	3,10	27,90	
- Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	87,00	8,70	78,30	-	55,00	5,50	49,50		103,00	10,30	92,70	
+ Phòng, chống bệnh đái tháo đường	70,00	7,00	63,00		41,00	4,10	36,90		88,00	8,80	79,20	
+ Phòng chống các rối loạn do thiếu I - ốt	17,00	1,70	15,30		14,00	1,40	12,60		15,00	1,50	13,50	
- Hoạt động phòng, chống bệnh Phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản	-				-				-			
- Hoạt động Y tế trường học	11,00	1,10	9,90		11,00	1,10	9,90		5,00	0,50	4,50	

Nội dung	TỔNG DỰ TOÀN GIAO	Trong đó		Sử dụng từ nguồn CCTL đơn vị	TỔNG DỰ TOÀN GIAO	Trong đó			TỔNG DỰ TOÀN GIAO	Trong đó		
		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP		Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương	Dự toán đơn vị sử dụng	Dự toán thực hiện chính sách tiền lương theo ND 24/2023/NĐ-CP
Dự án 2 Tiêm chủng mở rộng	153,00	15,30	137,70		186,00	18,60	167,40		50,00	5,00	45,00	
Dự án 3 Dân số và phát triển	977,00	97,70	879,30	-	772,00	77,20	694,80		945,00	94,50	850,50	
- Hoạt động Dân số - kế hoạch hóa gia đình	262,00	26,20	235,80		237,00	23,70	213,30		281,00	28,10	252,90	
- Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa trên cộng đồng	-				-				-			
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	596,00	59,60	536,40		475,00	47,50	427,50		511,00	51,10	459,90	
- Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản	10,00	1,00	9,00		-				67,00	6,70	60,30	
- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	109,00	10,90	98,10		60,00	6,00	54,00		86,00	8,60	77,40	
Dự án 4 An toàn thực phẩm	-	-	-		-				-			
Dự án 5 Phòng , chống HIV/AIDS	64,00	6,40	57,60		63,00	6,30	56,70		85,00	8,50	76,50	
Dự án 6 Đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học	-				-				-			
Dự án 7 Quân dân y kết hợp	-				-				-			
Dự án 8 Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình và truyền thông y tế	20,00	2,00	18,00		20,00	2,00	18,00		20,00	2,00	18,00	
Kinh phí đặt hàng khám chữa bệnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ KP thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ KB; CB_Bệnh nhân phong	-				-				-			
+ KP hoạt động quản lý Khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-				-				-			
+ KP khám chữa bệnh, mua thuốc cho khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ	-				-				-			
Kinh phí bồi dưỡng Cộng tác viên dân số	907,20	-	907,20	-	1.419,60	-	1.419,60		672,00	-	672,00	
Trợ cấp y tế thôn bản	357,00		357,00		311,00		311,00		461,00		461,00	
Trợ cấp y tế khu phố	48,00		48,00		30,00		30,00		18,00		18,00	